

Bản án số 140/2020/HSST
Ngày 21-7-2020

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VŨNG TÀU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Nguyễn Thị Thanh Huyền

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Tám

Ông Hà Văn Trường

- Thư ký phiên toà: Bà Chu Thị Thanh Tâm – Thư ký Toà án nhân dân thành phố Vũng Tàu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vũng Tàu tham gia phiên toà: Ông Nguyễn Quốc Tuấn - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 7 năm 2020 tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 14/2020/TLST-HS ngày 17 tháng 01 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 154/2020/QĐXXST-HS ngày 10 tháng 6 năm 2020 đối với các bị cáo:

1. ĐẶNG LÊ N, sinh năm 1983 tại Hà Nội; Hộ khẩu thường trú: số 90 phường DdT, quận BT, Thành phố H; Chỗ ở: số 09, ngách 16, ngõ 148 NH, huyện T, Thành phố H; Trình độ học vấn: 12/12; Nghề nghiệp: lao động tự do; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: không; Cha: Đặng Anh D, sinh năm 1957; Mẹ: Lê Thị Ng, sinh năm 1959; Bị cáo là con một; Vợ tên Trương Thị Hồng Nh, sinh năm 1987; có 01 con sinh năm 2015; tiền án, tiền sự: không.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú”; hiện đang tại ngoại tại số 09, ngách 16, ngõ 148 NH, huyện T, Thành phố H (có mặt).

2. TRẦN MINH PH, sinh năm 1987 tại Hà Nội; Hộ khẩu thường trú và chỗ ở: Tổ 10 PV, phường HL, quận HM, Thành phố H; Trình độ học vấn: 12/12; Nghề nghiệp: lao động tự do; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: không; Cha: Trần Văn H, sinh năm 1958; Mẹ: Nguyễn Thị H, sinh năm 1962; gia đình có 02 chị em, bị cáo là con út; vợ tên Lương Thị H; có 02 con, lớn sinh năm 2008, nhỏ sinh năm 2012; tiền án, tiền sự: không.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú”; hiện đang tại ngoại tại tổ Tổ 10 PV, phường HL, quận HM, Thành phố H (có mặt).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Trần Thị M, sinh năm 1985, địa chỉ: Số 60/1 đường HP, Phường B, thành phố V, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (có mặt).
2. Huỳnh Văn H1, sinh năm 1992, địa chỉ: Số 31/16 đường MC, Phường B, thành phố V, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (vắng mặt).
3. Đoàn Thanh P, sinh 1985, địa chỉ: 6K30 Khu K, Phường M, thành phố V, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (vắng mặt).
4. Nguyễn Thị Th1, sinh năm 1963, địa chỉ: Số 77 đường TQ, Phường B, thành phố V, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).
5. Trần Thúy V, sinh năm 1995, địa chỉ: Số 22/18/25 đường KN, phường T, thành phố V, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (vắng mặt).
6. Tôn Ánh T, sinh năm 1962, địa chỉ: Số 28A đường NH, Phường H, thành phố V, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).
7. Tôn Ánh H, sinh năm 1962, địa chỉ: Số 537/6 đường NAN, phường N, thành phố V, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).
8. Phạm Thị Th2, sinh năm 1988, địa chỉ: Số 1/30 đường TX, phường N, thành phố V, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (vắng mặt).
9. Nguyễn Thị Ngọc Tr, sinh năm 1983, địa chỉ: Số 19 đường TV, Phường B, thành phố V, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (vắng mặt).
10. Nguyễn Thị H2, sinh năm 1982, địa chỉ: Số 31/5 đường Đ, Phường B, thành phố V, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (vắng mặt).
11. Nguyễn Thị M, sinh năm 1982, địa chỉ: Số 88/18 đường B, Phường 5, thành phố V, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (vắng mặt).
12. Nguyễn Thị L, sinh năm 1972, địa chỉ: Số 75/45/7 đường TX, phường N, thành phố V, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (vắng mặt).
13. Nguyễn Thị H3, sinh năm 1970, địa chỉ: Số 75/45/6 đường TX, phường N, thành phố V, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (vắng mặt).
14. Đặng Thị Diễm H4, sinh năm 1991, địa chỉ: Số 19 đường TV, Phường B, thành phố V, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).
15. Đặng Hoàng D1, sinh năm 1986, địa chỉ: Số 509B đường CD, Phường B, thành phố V, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (vắng mặt).
16. Hoàng Thị Ngọc D2, sinh năm 1975, địa chỉ: Số 215/11/16 đường C, Phường B, thành phố V, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (vắng mặt).
17. Nguyễn Thị G, sinh năm 1955, địa chỉ: Số 66 đường TX, phường N, thành phố V, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

18. Nguyễn Thị A, sinh năm 1957, địa chỉ: Số 60 đường LT, Phường M, thành phố V, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (vắng mặt).

19. Nguyễn Đức V1, sinh năm 1972, địa chỉ: Số 98/12A đường TX, phường N, thành phố V, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

20. Ngô Thị S, sinh năm 1955, địa chỉ: Số 1/12 đường TX, phường N, thành phố V, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (vắng mặt).

21. Lê Thị H5, sinh năm 1967, địa chỉ: Số 161/33B đường CD, Phường B, thành phố V, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

22. Cao Gia H6, sinh năm 1999, địa chỉ: Số 73 đường CD, Phường M, thành phố V, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (vắng mặt).

23. Hồ Thị Kim T, sinh năm 1981, địa chỉ: H26 đường BH, Phường T, thành phố V, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (vắng mặt).

24. Hà Anh T, sinh năm 1976, địa chỉ: Số 469 đường P, phường N, thành phố V, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

25. Ngô Minh Kh, sinh năm 1988, địa chỉ: Số 513/11 đường CD, Phường M, thành phố V, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

26. Hà Thị Ph1, sinh năm 1961, địa chỉ: Số 255/10/1 đường QĐ, phường N, thành phố V, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (vắng mặt).

27. Lê Thị Hồng Ph2, sinh năm 1988, địa chỉ: Số 176/40/23B đường CD, Phường B, thành phố V, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

28. Nguyễn Thị C, sinh năm 1962, địa chỉ: Số 10 đường N, phường N, thành phố V, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (vắng mặt).

29. Nguyễn Thị H7, sinh năm 1953, địa chỉ: Số 26/13 đường TX, phường N, thành phố V, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (vắng mặt).

30. Trần Thị Ngọc H8, sinh năm 1975, địa chỉ: Số 37/31 đường TX, phường N, thành phố V, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (vắng mặt).

31. Nguyễn Thị Bích N1, sinh năm 1972, địa chỉ: Số 513/4 đường CD, Phường B, thành phố V, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

32. Trần Anh T1, sinh năm 1979, địa chỉ: Số 360/26/10/26 đường G, phường NA, thành phố V, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (vắng mặt).

33. Nguyễn Văn L1 sinh năm 1958, địa chỉ: Số 105/4 đường C, Phường B, thành phố V, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (vắng mặt).

34. Trần Ngọc M1, sinh năm 1984, địa chỉ: Số 491/25 đường P, Phường N, thành phố V, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (vắng mặt).

35. Nguyễn Thị B, sinh năm 1965, địa chỉ: Số 513/11 đường CD, Phường M, thành phố V, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

36. Nguyễn Thị Thu H9, sinh năm 1974, địa chỉ: Số 22/14 đường L, Phường MH, thành phố V, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 22h30 ngày 02/01/2019, Công an Phường 3 Tp.Vũng Tàu kiểm tra cơ sở kinh doanh dịch vụ cầm đồ TH tại địa chỉ 121 LTT, phường B, Tp.V phát hiện tại cơ sở có các tài liệu liên quan đến việc cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự nên đã yêu cầu Đặng Lê N (chủ cơ sở) và Trần Minh Ph (người làm công cho N) về trụ sở làm việc. Quá trình làm việc, N và Ph đã thừa nhận về hành vi cho vay lãi nặng. Cơ quan điều tra đã thu giữ nhiều hợp đồng, sổ sách chứng từ liên quan đến hành vi cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự của N và Ph.

Tại Cơ quan điều tra, N và Ph khai nhận: Qua quen biết, N đã nhờ chị Lê Thị Thanh Th, sinh năm 1981, trú tại: 52/5B TĐ, Phường B, Tp.V, đứng tên trên giấy phép kinh doanh của tiệm cầm đồ TH và thuê mặt bằng tại địa chỉ 121 LTT, Phường B, Tp.V của ông Lê Minh Tr, sinh năm 1960, trú tại 5/63 KH, Phường M, Tp.V, để mở tiệm cầm đồ. Trong quá trình kinh doanh dịch vụ cầm đồ, N tiến hành cho vay lãi nặng. Đến tháng 11/2018, N thuê Ph vào làm nhân viên có nhiệm vụ hỗ trợ N trong hoạt động cho vay lãi nặng. N và Ph sử dụng số điện thoại 0961219821 đăng trên các tờ quảng cáo cho vay dán và phát tại những nơi công cộng để tìm khách hàng. Cách thức cho vay như sau: Khi tiến hành cho vay, các đối tượng sẽ thu giữ một số giấy tờ của khách hàng như CMND, căn cước công dân, bằng lái xe, sổ hộ khẩu, ... Các đối tượng trên cho vay với 02 (hai) loại hình chính là “Vay góp” và “Vay đứng”. Vay góp: Là loại hình vay hàng ngày trả cả tiền gốc và lãi, quá trình thu nợ khách hàng có yêu cầu đáo hạn thì sẽ tiến hành cho khách hàng đáo hạn thành hợp đồng mới (Đáo hạn nghĩa là khi chưa đóng xong hợp đồng cũ thì mở hợp đồng mới, số tiền vay trên hợp đồng mới sẽ bị trừ đi tiền nợ của hợp đồng cũ xem như hợp đồng cũ đã hoàn thành). Vay đứng: là loại hình thu lãi hàng ngày cho đến khi người vay trả tiền gốc. Hợp đồng vay tiền sẽ được ngay trang bằng hình thức “Hợp đồng mua bán hàng hóa” (dành cho vay trả góp) và “Hợp đồng nhận tiền cọc” (dành cho vay tiền đứng). Trong hợp đồng cho vay trả góp sẽ thể hiện số tiền gốc cộng với tiền lãi (ví dụ vay 10 triệu với lãi suất 02 triệu thì thể hiện trong hợp đồng là 12 triệu), còn hợp đồng cho vay đứng thì khách hàng sẽ ghi thể hiện rõ số tiền vay và thời gian trả. Hàng ngày, N và Ph sẽ đến từng nhà khách hàng để thu tiền. Để theo dõi, N còn lập thêm sổ theo dõi thể hiện thông tin khách hàng, số tiền vay, đáo bất, thời gian vay...bằng kê từng ngày thu tiền. Ngoài ra, N còn lập 01 sổ lớn để tổng hợp việc thu chi: tiền cho khách hàng vay và tiền thu về từ hợp đồng

đã có sẵn, N dùng bút dạ quang để đánh dấu từng khách hàng đóng tiền trong ngày.

Quá trình điều tra, cơ quan điều tra đã thu giữ: 72 bìa hồ sơ kèm theo hợp đồng vay, giấy tờ của người vay, 07 cuốn sổ ghi nhận việc cho vay hằng ngày; 250 giấy A4 ghi thông tin quảng cáo cho vay số điện thoại 0961219821; 10 cuốn sổ hợp đồng cầm đồ; 12 sim điện thoại; 01 giấy phép kinh doanh hoạt động cầm đồ; 70 tờ giấy A4 ghi nội dung hợp đồng mua bán hàng hóa; 03 laptop gồm: 01 laptop dell màu đen, 01 laptop Vaio màu đen và 01 Macbook air màu xám dùng cho hoạt động cho vay; số tiền 28.278.000đ (hai mươi tám triệu hai trăm bảy mươi tám ngàn đồng); 01 xe mô tô hiệu Dream biển số 18Z2 – 8584; 01 xe mô tô hiệu Dream biển số 51F2-2452; 01 Iphone 6 màu xám (Imei bên trong là 359304064464830, Imei bên ngoài là 359260060191399); 01 điện thoại Nokia màu xanh đen, model TA-1034, Imei1 355820091348674.

Theo hồ sơ sổ sách thể hiện: Trong số **72** bìa đựng hồ sơ hợp đồng vay có một số bìa hồ sơ có cùng thông tin của một khách hàng và một số bìa hồ sơ không có hợp đồng vay nên không xác định có người vay hay không. Qua đối chiếu sổ sách xác định **69** người vay có lai lịch rõ ràng với tổng số hợp đồng là **276** hợp đồng (trong đó, vay đúng 73 hợp đồng, vay góp **203** hợp đồng). Tổng số tiền cho vay là **1.519.500.000đ** (Một tỷ năm trăm mười chín triệu năm trăm ngàn đồng), tổng số tiền thu về là **1.697.356.667đ** (một tỷ, sáu trăm chín mươi bảy triệu, ba trăm năm mươi sáu nghìn, sáu trăm sáu mươi bảy đồng), tiền lãi thu được là **305.256.667đ** (ba trăm lẻ năm triệu, hai trăm năm mươi sáu nghìn, sáu trăm sáu mươi bảy đồng), số tiền lãi theo quy định của pháp luật là **22.106.027đ** (hai mươi hai triệu, một trăm lẻ sáu nghìn, không trăm hai mươi bảy đồng), tiền thu lợi bất chính là **283.150.639đ** (Hai trăm tám mươi ba triệu một trăm năm mươi ngàn sáu trăm ba mươi chín đồng) (có bảng thống kê kèm theo – BL 3116 đến 3125).

Nhưng quá trình điều tra xác minh những người vay theo sổ sách, cơ quan điều tra đã làm việc và xác định rõ được **36** người vay cụ thể, với tổng số hợp đồng là **127** hợp đồng (trong đó vay đúng **18** hợp đồng, vay góp **109** hợp đồng), tổng tiền cho vay là **727.500.000đ** (bảy trăm hai mươi bảy triệu, năm trăm ngàn đồng), tổng số tiền thu về là **759.696.667đ** (bảy trăm năm mươi chín triệu, sáu trăm chín mươi sáu nghìn, sáu trăm sáu mươi bảy đồng), tổng số tiền lãi thu được là **159.596.667đ** (một trăm năm mươi chín triệu, năm trăm chín mươi sáu nghìn, sáu trăm sáu mươi bảy đồng), số tiền lãi theo quy định của pháp luật là **11.789.315đ** (mười một triệu, bảy trăm tám mươi chín nghìn, ba trăm mười lăm đồng), tổng số tiền thu lợi bất chính là **147.807.352đ** (một trăm bốn mươi bảy triệu, tám trăm lẻ bảy nghìn, ba trăm năm mươi hai đồng) (có bản phụ lục kèm theo). Các bị cáo đã cho vay với lãi suất 0,67% - 1,2%/ngày (cao gấp từ 12 - 22 lần so với mức lãi suất của nhà nước quy định là 0,05%/ngày) (Có bảng thống kê, các bị cáo kiểm tra xác nhận số liệu tính toán của 36 người vay kèm theo).

Cách thức tính tiền thu lợi bất chính và phần trăm lãi suất của các đối tượng cho vay như sau:

- Tiền thu lợi bất chính = tiền lãi suất các đối tượng thu được theo hợp đồng – tiền lãi suất được hưởng theo quy định của nhà nước (20%/năm)

- Trong đó:

+ Tiền lãi suất các đối tượng thu được = tiền lãi trong 01 ngày x số ngày mà người vay đã đóng (tiền lãi trong 01 ngày = tiền lãi của toàn bộ hợp đồng : số ngày vay x số ngày đã đóng tiền góp).

+ Tiền lãi suất được hưởng theo quy định của Nhà nước = phần trăm lãi theo quy định của Nhà nước (tức 20% chia cho 365 ngày = 0,05%/ngày) X số tiền vay X số ngày mà người vay đã đóng.

- Phần trăm lãi suất của các đối tượng cho vay = (tiền lãi của 01 ngày : số tiền vay X 100%) : % lãi suất theo quy định của nhà nước (tức 20% : 365 ngày = 0,05%/ngày)

Tại Cơ quan CSĐT Công an Tp.Vũng Tàu, Đặng Lê N và Trần Minh Ph đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình nêu trên (Bút lục điều tra từ số 29 - 50 và từ số 58 - 69).

Về tài sản và vật chứng thu giữ trong vụ án:

- 72 bì hồ sơ kèm theo hợp đồng vay, giấy tờ của người vay, 07 cuốn sổ ghi nhận việc cho vay hằng ngày, 250 giấy A4 ghi thông tin quảng cáo cho vay số điện thoại 0961219821, 10 cuốn sổ hợp đồng cầm đồ, 01 giấy phép kinh doanh hoạt động cầm đồ, 70 tờ giấy A4 ghi nội dung hợp đồng mua bán hàng hóa. Các tài liệu này đã chuyển theo hồ sơ vụ án.

- Tiền mặt 28.278.000đ (hai mươi tám triệu hai trăm bảy mươi tám ngàn đồng) thu tại tiệm cầm đồ TH; 12 sim điện thoại; 03 laptop gồm: 01 laptop Dell màu đen, 01 laptop Vaio màu đen và 01 Macbook air màu xám dùng cho hoạt động cho vay; 02 xe mô tô hiệu Dream: 01 xe màu trắng đen có gắn biển số 18Z2 – 8584, không đọc được số khung, số máy 8131368; 01 xe màu trắng đen có gắn biển số 51F2-2452, số máy C100ME-0321255; 02 điện thoại di động: 01 Iphone 6 màu xám, Imei bên ngoài 359260060191399; 01 điện thoại Nokia màu xanh đen, model TA-1034, Imei 355820091348674. Các tài sản vật chứng trên hiện đã chuyển Cơ quan Thi hành án hình sự quản lý.

Bản cáo trạng số 02/CT-VKS ngày 20-11-2019 Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vũng Tàu đã truy tố bị cáo Đặng Lê N, Trần Minh Ph về tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” theo khoản 2 Điều 201 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên toà:

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân TP.Vũng Tàu giữ nguyên nội dung Cáo trạng đã truy tố đối với các bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng khoản 2 Điều 201; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54; Điều 35; Điều 17 Bộ luật Hình sự, tuyên bố bị cáo Đặng Lê N, Trần Minh Ph phạm tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”.

Đề nghị xử phạt bị cáo N và bị cáo Ph hình phạt chính là phạt tiền, mỗi bị cáo từ 100 triệu đến 150 triệu đồng.

Về tiền thu lợi bất chính và xử lý vật chứng: đề nghị

- Tiền thu lợi bất chính: Buộc bị cáo Đặng Lê N phải nộp lại số tiền thu lợi bất chính là 147.807.352đ (một trăm bốn mươi bảy triệu, tám trăm lẻ bảy ngàn, ba trăm năm mươi hai đồng).

- Về xử lý vật chứng:

- Tịch thu sung công quỹ 01 laptop hiệu Dell màu đen; 01 laptop hiệu Vaio màu đen và màu ghi; 01 laptop hiệu Macbook Air màu xám; 01 xe máy Dream màu trắng đen, biển số 51F2-2425 số máy C100ME-0321255; 01 điện thoại Nokia màu xanh đen, model TA-1034, Imei 355820091348674. Do những tài sản này liên quan đến hành vi, sự việc phạm tội.

- Trả lại cho bị cáo N 01 (một) xe máy kiểu dáng Honda Dream, màu trắng đen, biển số 18Z2-8584, số khung (không đọc được), số máy 8131368; 01 điện thoại Iphone 6 màu xám, Imei ghi bên ngoài 359260060191399 và 12 sim điện thoại. Do những tài sản này không liên quan đến hành vi, sự việc phạm tội.

- Tiếp tục tạm giữ số tiền 28.278.000đ (hai mươi tám triệu, hai trăm bảy mươi tám ngàn đồng) đã thu của bị cáo N để bảo đảm thi hành án.

Đề xuất xử lý về khoản lãi suất từ trên 20%/năm đã thu của người vay; khoản tiền gốc, lãi chưa thanh toán, bị cáo và người vay chưa hoặc không yêu cầu giải quyết trong vụ án. Khi có căn cứ, có yêu cầu có quyền khởi kiện ở vụ kiện dân sự khác.

Các bị cáo Đặng Lê N, Trần Minh Ph khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như cáo trạng đã truy tố, không có ý kiến tranh luận với quan điểm đề xuất của đại diện Viện kiểm sát. Lời nói sau cùng, các bị cáo nêu hoàn cảnh khó khăn, từ trước đến nay làm ăn lương thiện. Bị cáo N và bị cáo Ph đều đề nghị HĐXX xem xét giảm nhẹ hình phạt. Ngoài ra, bị cáo N trình bày: Mục đích và hình thức ban đầu là kinh doanh cầm đồ, bán sim, điện thoại nhưng do kinh doanh ở địa phương xa lạ nên không có khách, thua lỗ. Để có tiền duy trì kinh doanh, vì lợi ích vật chất mà thiếu suy nghĩ, bị cáo N đã cho vay như nêu trên. Tuy tính toán số liệu như cáo trạng đã nêu dựa vào tổng các hợp đồng là đúng, nhưng số tiền gốc thực tế bị cáo bỏ ra cho vay không như số liệu tính toán. Vì có trường hợp, người vay đến 10 hợp đồng chỉ trong 01-02 tháng với số tiền trong mỗi hợp đồng là 10 triệu nên tiền gốc được tính là 100 triệu. Nhưng thực tế đối với những trường hợp này, do cần tiền nên người vay đề nghị đáo hạn sớm, bị cáo tính lại hợp đồng cũ nợ còn lại bao nhiêu rồi bù vào một khoản cho bằng 10 triệu và lập một hợp đồng vay mới, nên số tiền gốc bị cáo bỏ ra thực tế không thể là 100 triệu/10 hợp đồng. Và do bị cáo hoạt động tự phát, cho vay thời gian ngắn, đang trong giai đoạn bắt đầu nên thực sự chưa thu về được đồng nào gốc và lãi về mặt thực tế. Số tiền bị cáo dự phòng kinh doanh ban đầu cũng không còn trong nhà. Riêng bị cáo Ph chỉ mới làm công cho N gần 2 tháng, chưa được trả lương, không được hưởng lợi ích gì đã bị xử lý; gia đình khó khăn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố Vũng Tàu, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vũng Tàu, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Các hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về sự vắng mặt của người tham gia tố tụng:

Tại phiên tòa, 35/36 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt, trong những người vắng mặt có 13 trường hợp có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, các trường hợp còn lại vắng mặt không có lý do mặc dù tất cả đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai. Do đó, căn cứ Điều 292 Bộ luật Tố tụng Hình sự, xét xử vắng mặt 35 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

[3] Hành vi của các bị cáo được xác định như sau:

Căn cứ lời khai nhận tại phiên tòa, đối chiếu lời khai của bị cáo trong quá trình điều tra là thống nhất, phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác đã thu thập có trong hồ sơ vụ án, trên cơ sở kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử có cơ sở kết luận:

Từ khoảng tháng 7/2018, bị cáo Đặng Lê N đã nhờ chị Lê Thị Thanh Th đứng tên thành lập cơ sở kinh doanh dịch vụ cầm đồ TH tại địa chỉ 121 LTT, Phường B, thành phố V. Bị cáo Trần Minh Ph là người được N thuê vào làm nhân viên hỗ trợ N từ tháng 11/2018. Trong quá trình hoạt động kinh doanh, bị cáo N và bị cáo Ph đã tiến hành cho vay lãi nặng dưới hình thức cho “Vay đứng” và “Vay góp” với lãi suất vượt quá quy định của pháp luật nhằm thu lợi bất chính từ việc lấy lãi trong mỗi hợp đồng cho vay.

Hình thức, mức độ cho vay các bị cáo thực hiện như sau:

- Đối với hình thức vay góp: Là loại hình vay tiền trả hàng ngày cả tiền gốc và lãi. Quá trình thu nợ khách hàng có yêu cầu đáo hạn thì các bị cáo sẽ cho khách hàng đáo hạn thành hợp đồng mới. Đối với loại hình vay tiền này, các bị cáo yêu cầu người vay viết hợp đồng mua bán hàng hóa, thông tin là mua sim điện thoại trả góp hàng ngày nhưng giá tiền thực tế là số tiền thanh toán hợp đồng vay và tiền thu hàng ngày. Mỗi hợp đồng trả góp thông thường có lãi là 20%/tháng cho một hợp đồng với chu kỳ là 30 ngày, tức lãi suất hợp đồng là 240%/năm, gấp 12 lần so với lãi suất quy định trong Bộ luật Dân sự.

- Đối với hình thức vay đứng: Là loại hình vay thu lãi hàng ngày cho đến khi người vay trả tiền gốc. Với loại hình vay này, các bị cáo yêu cầu người vay viết giấy biên nhận tiền cọc ghi nhận cọc số tiền, Số tiền cọc thực tế là tiền cho vay, bị cáo N sẽ hướng dẫn người vay viết trên mẫu giấy này với nhiều lý do đặt cọc như mua sim điện thoại, mua điện thoại, ... Thông thường mỗi hợp đồng vay đứng, bị cáo N lấy lãi suất 1%/ngày tức 365%/năm, gấp 18,25 lần so với lãi suất quy định trong Bộ luật Dân sự.

- Cơ quan điều tra đã xác định, trong khoảng thời gian từ tháng 7/2018 đến tháng 02/01/2019, làm rõ được **36** người vay cụ thể với tổng số **127** hợp đồng (trong đó vay đúng **18** hợp đồng, vay góp **109** hợp đồng), cụ thể như sau:

1. Trần Thị M vay 7 lần với tổng tiền vay là 74.500.000 đồng, số tiền bị thu lợi bất chính từ các hợp đồng vay là 14.741.324 đồng, cụ thể: 03 hợp đồng vay góp với số tiền 10.000.000đ chu kỳ 30 ngày lãi suất 0,67%/ngày (đã thu xong); 01 hợp đồng vay góp với số tiền 10.000.000đ chu kỳ 30 ngày lãi suất 0,67%/ngày trả được 16 ngày thì chị M xin gộp chung 02 hợp đồng vay đúng (01 hợp đồng vay đúng 10.000.000đ lãi suất 0,8%/ngày trả được 25 ngày và 01 hợp đồng vay đúng 6.000.000đ lãi suất 1%/ngày đã trả được 80 ngày) thành 01 hợp đồng vay góp số tiền 12.500.000đ chu kỳ 50 ngày lãi suất 0,4%/ngày đã trả được 43 ngày. Lãi suất cho vay được xác định gấp từ 7,3 – 14,6 lần mức lãi suất pháp luật quy định. Chị M còn chưa trả 1.750.000đ tiền đã vay.

* Tại Tòa, chị M và các bị cáo xác định chị M đã trả xong các khoản cho bị cáo, đều không có yêu cầu xem xét.

2. Huỳnh Văn H1 vay 1 lần với tổng tiền vay là 3.000.000 đồng, lãi suất 20% chu kỳ 30 ngày (gấp 12 lần mức lãi suất pháp luật quy định), đã trả được 10 ngày, số tiền bị thu lợi bất chính từ hợp đồng vay là 183.562 đồng. Anh H còn chưa trả 2.000.000 đồng tiền đã vay.

3. Đoàn Thanh P vay 4 lần với tổng tiền vay là 20.000.000 đồng, số tiền bị thu lợi bất chính từ các hợp đồng vay là 2.784.018 đồng, cụ thể: 03 hợp đồng vay góp với số tiền 5.000.000 đồng chu kỳ 30 ngày đã thu xong và 01 hợp đồng vay góp số tiền 5.000.000 đồng chu kỳ 30 ngày đã trả 1 ngày. Mức lãi suất cho vay là 0,67%/ngày, gấp 12 lần so với mức lãi suất theo quy định pháp luật. Chị P còn chưa trả 4.833.333 đồng tiền đã vay.

4. Nguyễn Thị Th1 vay 11 lần với tổng tiền vay là 63.000.000 đồng, số tiền bị thu lợi bất chính từ các hợp đồng vay là 14.102.466 đồng, cụ thể: 09 hợp đồng vay góp với số tiền 6.000.000 đồng chu kỳ 30 ngày lãi suất 0,67%/ngày đã thu xong, 01 hợp đồng vay góp với số tiền 6.000.000 đồng chu kỳ 30 ngày lãi suất 0,67%/ngày trả được 6 ngày và 01 hợp đồng vay đúng với số tiền 3.000.000đ lãi suất 1%/ngày đã trả được 140 ngày. Mức lãi suất cho vay gấp 12 lần so với mức lãi suất theo quy định pháp luật. Bà Th1 còn chưa trả 7.800.000đ tiền đã vay.

5. Trần Thúy V vay 6 lần với tổng tiền vay là 30.000.000 đồng, số tiền bị thu lợi bất chính từ các hợp đồng vay là 4.925.571 đồng, cụ thể: 05 hợp đồng vay góp với số tiền 5.000.000 đồng chu kỳ 30 ngày lãi suất 0,67%/ngày đã thu xong, 01 hợp đồng vay góp với số tiền 5.000.000 đồng chu kỳ 30 ngày lãi suất 0,67%/ngày trả được 11 ngày. Mức lãi suất cho vay gấp 12 lần so với mức lãi suất theo quy định pháp luật. Chị V còn chưa trả 3.166.667 đồng tiền đã vay.

6. Tôn Ánh T vay 3 lần với tổng tiền vay là 9.000.000 đồng, số tiền bị thu lợi bất chính từ các hợp đồng vay là 1.229.863 đồng, cụ thể: 02 hợp đồng vay góp với số tiền 3.000.000 đồng chu kỳ 30 ngày lãi suất 0,67%/ngày đã thu xong, 01 hợp đồng vay góp với số tiền 3.000.000 đồng chu kỳ 30 ngày lãi suất

0,67%/ngày trả được 7 ngày. Mức lãi suất cho vay gấp 12 lần so với mức lãi suất theo quy định pháp luật. Bà T còn chưa trả 2.100.000 đồng tiền đã vay.

7. Tôn Ánh H vay 5 lần với tổng tiền vay là 15.000.000 đồng, số tiền bị thu lợi bất chính từ các hợp đồng vay là 2.331.233 đồng, cụ thể: 04 hợp đồng vay góp với số tiền 3.000.000 đồng chu kỳ 30 ngày lãi suất 0,67%/ngày đã thu xong, 01 hợp đồng vay góp với số tiền 3.000.000 đồng chu kỳ 30 ngày lãi suất 0,67%/ngày trả được 7 ngày. Mức lãi suất cho vay gấp 12 lần so với mức lãi suất theo quy định pháp luật. Bà H còn chưa trả 2.300.000 đồng tiền đã vay.

8. Phạm Thị Th2 (vay 1 lần vay góp với số tiền vay là 5.000.000 đồng, chu kỳ 30 ngày lãi suất 0,67%/ngày đã trả được 25 ngày, số tiền bị thu lợi bất chính từ hợp đồng vay là 764.840 đồng. Mức lãi suất cho vay gấp 12 lần so với mức lãi suất theo quy định pháp luật. Chị Th2 còn chưa trả 833.333 đồng tiền đã vay.

9. Nguyễn Thị Ngọc Tr vay 7 lần với tổng tiền vay là 35.000.000 đồng, số tiền bị thu lợi bất chính từ các hợp đồng vay là 5.659.817 đồng, cụ thể: 06 hợp đồng vay góp với số tiền 5.000.000 đồng chu kỳ 30 ngày lãi suất 0,67%/ngày đã thu xong, 01 hợp đồng vay góp với số tiền 5.000.000 đồng chu kỳ 30 ngày lãi suất 0,67%/ngày trả được 5 ngày. Mức lãi suất cho vay gấp 12 lần so với mức lãi suất theo quy định pháp luật. Chị Tr còn chưa trả 4.166.667 đồng tiền đã vay.

10. Nguyễn Thị H2 vay 7 lần với tổng tiền vay là 35.000.000 đồng, số tiền bị thu lợi bất chính từ các hợp đồng vay là 9.626.027 đồng, cụ thể: 03 hợp đồng vay đúng với số tiền là 5.000.000 đồng lãi suất 1%/ngày đều đã trả tiền vay (trong đó 01 hợp đồng trả lãi 60 ngày, 01 hợp đồng trả lãi 25 ngày và 01 hợp đồng trả lãi 41 ngày), 04 hợp đồng vay góp với số tiền 5.000.000 đồng chu kỳ 30 ngày lãi suất 0,67%/ngày đã thu xong. Mức lãi suất cho vay gấp từ 12-18,25 lần so với mức lãi suất theo quy định pháp luật.

11. Nguyễn Thị M vay 3 lần với tổng tiền vay là 15.000.000 đồng, số tiền bị thu lợi bất chính từ các hợp đồng vay là 2.202.740 đồng, cụ thể: 02 hợp đồng vay góp với số tiền 5.000.000 đồng chu kỳ 30 ngày lãi suất 0,67%/ngày đã thu xong và 01 hợp đồng vay góp với số tiền 5.000.000 đồng chu kỳ 30 ngày lãi suất 0,67%/ngày đã trả được 12 ngày. Mức lãi suất cho vay gấp 12 lần so với mức lãi suất theo quy định pháp luật. Chị M còn chưa trả 3.000.000 đồng tiền đã vay.

12. Nguyễn Thị L vay 1 lần vay góp số tiền là 5.000.000 đồng, chu kỳ 30 ngày lãi suất 0,67%/ngày đã thu xong. Mức lãi suất cho vay gấp 12 lần so với mức lãi suất theo quy định pháp luật. Số tiền bị thu lợi bất chính từ hợp đồng vay là 917.808 đồng.

13. Nguyễn Thị H3 vay 8 lần với tổng tiền vay là 75.000.000 đồng, số tiền bị thu lợi bất chính từ các hợp đồng vay là 15.854.110 đồng, cụ thể: 01 hợp đồng vay đúng với số tiền là 5.000.000 đồng lãi suất 1%/ngày đã trả lãi 83 ngày, 06 hợp đồng vay góp với số tiền 10.000.000 đồng chu kỳ 30 ngày lãi suất 0,67%/ngày đã thu xong và 01 hợp đồng vay góp với số tiền 10.000.000 đồng chu kỳ 30 ngày lãi suất 0,67%/ngày đã trả 15 ngày. Mức lãi suất cho vay gấp 12

lần so với mức lãi suất theo quy định pháp luật. Bà H3 còn chưa trả 10.000.000 đồng tiền đã vay.

14. Đặng Thị Diễm H4 vay 7 lần với tổng tiền vay là 35.000.000 đồng, số tiền bị thu lợi bất chính từ các hợp đồng vay là 5.537.443 đồng, cụ thể: 06 hợp đồng vay góp với số tiền 5.000.000 đồng chu kỳ 30 ngày lãi suất 0,67%/ngày đã thu xong và 01 hợp đồng vay góp với số tiền 5.000.000 đồng chu kỳ 30 ngày lãi suất 0,67%/ngày đã trả 01 ngày. Mức lãi suất cho vay gấp 12 lần so với mức lãi suất theo quy định pháp luật. Bà H4 còn chưa trả 4.833.333 đồng tiền đã vay.

15. Đặng Hoàng D1 vay 3 lần với tổng tiền vay là 15.000.000 đồng, số tiền bị thu lợi bất chính từ các hợp đồng vay là 2.019.178 đồng, cụ thể: 02 hợp đồng vay góp với số tiền 5.000.000 đồng chu kỳ 30 ngày lãi suất 0,67%/ngày đã thu xong và 01 hợp đồng vay góp với số tiền 5.000.000 đồng chu kỳ 30 ngày lãi suất 0,67%/ngày đã trả 06 ngày. Mức lãi suất cho vay gấp 12 lần so với mức lãi suất theo quy định pháp luật. D1 còn chưa trả 4.000.000 đồng tiền đã vay.

16. Hoàng Thị Ngọc D2 vay 5 lần với tổng tiền vay là 16.000.000 đồng, số tiền bị thu lợi bất chính từ các hợp đồng vay là 6.994.521 đồng, cụ thể: 03 hợp đồng vay đứng với số tiền là 3.000.000 đồng lãi suất 1%/ngày (trong đó 01 hợp đồng trả lãi 10 ngày, 01 hợp đồng trả lãi 20 ngày và 01 hợp đồng trả lãi 90 ngày); 01 hợp đồng vay đứng với số tiền là 5.000.000 đồng, lãi suất 1%/ngày đã trả lãi 20 ngày và 01 hợp đồng vay đứng với số tiền là 2.000.000 đồng lãi suất 1%/ngày đã trả lãi 140 ngày. Mức lãi suất cho vay gấp 18,25 lần so với mức lãi suất theo quy định pháp luật. Bà D2 còn chưa trả 5.000.000 đồng tiền đã vay.

17. Nguyễn Thị G vay 3 lần với tổng tiền vay là 13.000.000 đồng, số tiền bị thu lợi bất chính từ các hợp đồng vay là 1.621.461 đồng, cụ thể: 01 hợp đồng vay góp với số tiền 3.000.000 đồng chu kỳ 30 ngày lãi suất 0,67%/ngày đã thu xong, 01 hợp đồng vay góp với số tiền 5.000.000 đồng chu kỳ 30 ngày lãi suất 0,67%/ngày đã thu xong và 01 hợp đồng vay góp với số tiền 5.000.000 đồng chu kỳ 30 ngày lãi suất 0,67%/ngày đã trả 05 ngày. Mức lãi suất cho vay gấp 12 lần so với mức lãi suất theo quy định pháp luật. Bà G còn chưa trả 4.166.667 đồng tiền đã vay.

19. Nguyễn Đức V1 vay 1 lần hợp đồng vay góp số tiền là 5.000.000 đồng chu kỳ 30 ngày lãi suất 0,67%/ngày đã trả được 20 ngày, số tiền bị thu lợi bất chính từ hợp đồng vay là 611.872 đồng. Mức lãi suất cho vay gấp 12 lần so với mức lãi suất theo quy định pháp luật. Ông V1 còn chưa trả 1.666.667 đồng tiền đã vay.

20. Ngô Thị S vay 2 lần với tổng tiền vay là 10.000.000 đồng, số tiền bị thu lợi bất chính từ các hợp đồng vay là 1.040.183 đồng, cụ thể: 01 hợp đồng vay góp với số tiền 5.000.000 đồng chu kỳ 30 ngày lãi suất 0,67%/ngày đã thu xong và 01 hợp đồng vay góp với số tiền 5.000.000 đồng chu kỳ 30 ngày lãi suất 0,67%/ngày đã trả 04 ngày. Mức lãi suất cho vay gấp 12 lần so với mức lãi suất theo quy định pháp luật. Bà S còn chưa trả 4.333.333 đồng tiền đã vay.

21. Lê Thị H5 vay 6 lần với tổng tiền vay là 18.000.000 đồng, số tiền bị thu lợi bất chính từ các hợp đồng vay là 2.918.630 đồng, cụ thể: 05 hợp đồng

vay góp với số tiền 3.000.000 đồng chu kỳ 30 ngày lãi suất 0,67%/ngày đã thu xong và 01 hợp đồng vay góp với số tiền 3.000.000 đồng chu kỳ 30 ngày lãi suất 0,67%/ngày đã trả 09 ngày. Mức lãi suất cho vay gấp 12 lần so với mức lãi suất theo quy định pháp luật. Bà H5 còn chưa trả 2.100.000 đồng tiền đã vay.

22. Cao Gia H6 vay 2 lần với tổng tiền vay là 8.000.000 đồng, số tiền bị thu lợi bất chính từ các hợp đồng vay là 1.773.242 đồng, cụ thể: 01 hợp đồng vay đứng với số tiền là 3.000.000 đồng lãi suất 1%/ngày đã trả lãi được 60 ngày thì trả tiền gốc đã vay và 01 hợp đồng vay góp với số tiền 5.000.000 đồng chu kỳ 30 ngày lãi suất 0,67%/ngày đã trả 20 ngày. Mức lãi suất cho vay gấp 12 lần so với mức lãi suất theo quy định pháp luật. Anh H6 còn chưa trả 1.666.667 đồng tiền đã vay.

23. Hồ Thị Kim T vay 2 lần với tổng tiền vay là 10.000.000 đồng, số tiền bị thu lợi bất chính từ các hợp đồng vay là 8.479.452 đồng, cụ thể: 01 hợp đồng vay đứng với số tiền là 5.000.000 đồng lãi suất 1%/ngày đã trả lãi được 160 ngày chưa trả lại tiền gốc đã vay và 01 hợp đồng vay góp với số tiền 5.000.000 đồng chu kỳ 30 ngày lãi suất 0,67%/ngày đã trả xong. Mức lãi suất cho vay gấp từ 12-18,25 lần so với mức lãi suất theo quy định pháp luật. Chị T còn chưa trả 5.000.000 đồng tiền đã vay.

24. Hà Anh T vay 4 lần với tổng tiền vay là 60.000.000 đồng, số tiền bị thu lợi bất chính từ các hợp đồng vay là 9.820.548 đồng, cụ thể: 03 hợp đồng vay góp với số tiền 15.000.000 đồng chu kỳ 30 ngày lãi suất 0,67%/ngày đã thu xong và 01 hợp đồng vay góp với số tiền 15.000.000 đồng chu kỳ 30 ngày lãi suất 0,67%/ngày đã trả 17 ngày. Mức lãi suất cho vay gấp 12 lần so với mức lãi suất theo quy định pháp luật. Anh T còn chưa trả 6.500.000 đồng tiền đã vay.

25. Ngô Minh Kh vay 5 lần với tổng tiền vay là 25.000.000 đồng, số tiền bị thu lợi bất chính từ các hợp đồng vay là 4.191.324 đồng, cụ thể: 03 hợp đồng vay góp với số tiền 5.000.000 đồng chu kỳ 30 ngày lãi suất 0,67%/ngày đã thu xong và 01 hợp đồng vay góp với số tiền 5.000.000đ chu kỳ 30 ngày lãi suất 0,67%/ngày đã trả 17 ngày. Mức lãi suất cho vay gấp 12 lần so với mức lãi suất theo quy định pháp luật. Anh Kh còn chưa trả 2.166.667 đồng tiền đã vay.

26. Hà Thị Ph1 vay 3 lần với tổng tiền vay là 30.000.000 đồng, số tiền bị thu lợi bất chính từ các hợp đồng vay là 4.038.356 đồng, cụ thể: 02 hợp đồng vay góp với số tiền 10.000.000 đồng chu kỳ 30 ngày lãi suất 0,67%/ngày đã thu xong và 01 hợp đồng vay góp với số tiền 10.000.000 đồng chu kỳ 30 ngày lãi suất 0,67%/ngày đã trả 06 ngày. Mức lãi suất cho vay gấp 12 lần so với mức lãi suất theo quy định pháp luật. Bà Ph1 còn chưa trả 8.000.000 đồng tiền đã vay.

27. Lê Thị Hồng Ph2 vay 2 lần với tổng tiền vay là 3.000.000 đồng, số tiền bị thu lợi bất chính từ các hợp đồng vay là 2.173.973 đồng, cụ thể: 01 hợp đồng vay đứng với số tiền là 1.000.000 đồng lãi suất 1%/ngày đã trả lãi 10 ngày và 01 hợp đồng vay đứng với số tiền là 2.000.000 đồng lãi suất 1%/ngày đã trả lãi 110 ngày. Mức lãi suất cho vay gấp 18,25 lần so với mức lãi suất theo quy định pháp luật. Bà Ph2 còn chưa trả 2.000.000 đồng tiền đã vay.

28. Nguyễn Thị C đã vay góp 02 hợp đồng với số tiền vay của mỗi hợp đồng là 3.000.000 đồng chu kỳ 30 ngày lãi suất 0,67%/ngày. Mức lãi suất cho vay gấp 12 lần so với mức lãi suất theo quy định pháp luật. Số tiền bị thu lợi bất chính từ các hợp đồng vay là 1.101.370 đồng. Bà C đã thanh toán xong.

29. Nguyễn Thị H7 vay 5 lần với tổng tiền vay là 21.000.000 đồng, số tiền bị thu lợi bất chính từ các hợp đồng vay là 3.059.361 đồng, cụ thể: 02 hợp đồng vay góp với số tiền 3.000.000 đồng chu kỳ 30 ngày lãi suất 0,67%/ngày đã thu xong, 02 hợp đồng vay góp với số tiền 5.000.000 đồng chu kỳ 30 ngày lãi suất 0,67%/ngày đã thu xong và 01 hợp đồng vay góp với số tiền 5.000.000 đồng chu kỳ 30 ngày lãi suất 0,67%/ngày đã trả 04 ngày. Mức lãi suất cho vay gấp 12 lần so với mức lãi suất theo quy định pháp luật. Bà H7 còn chưa trả 4.333.333 đồng tiền đã vay.

30. Trần Thị Ngọc H8 vay 2 lần với tổng tiền vay là 20.000.000 đồng, số tiền bị thu lợi bất chính từ các hợp đồng vay là 2.179.909 đồng cụ thể: 01 hợp đồng vay góp với số tiền 10.000.000 đồng chu kỳ 24 ngày lãi suất 0,83%/ngày đã thu xong và 01 hợp đồng vay góp với số tiền 10.000.000 đồng chu kỳ 24 ngày lãi suất 0,83%/ngày đã trả 04 ngày. Mức lãi suất cho vay gấp 15,1 lần so với mức lãi suất theo quy định pháp luật. Bà H8 còn chưa trả 8.333.333 đồng tiền đã vay.

31. Nguyễn Thị Bích N1 vay 01 hợp đồng vay đúng với số tiền là 10.000.000 đồng, lãi suất 1%/ngày đã trả lãi 75 ngày, số tiền bị thu lợi bất chính từ các hợp đồng vay là 8.589.041 đồng. Mức lãi suất cho vay gấp 18,25 lần so với mức lãi suất theo quy định pháp luật. Bà N1 còn chưa trả 10.000.000 đồng tiền đã vay.

33. Nguyễn Văn L1 (sinh năm 1958, ngụ tại 105/4 C, phường B, TP. V) vay 01 hợp đồng vay đúng với số tiền là 3.000.000 đồng, lãi suất 1%/ngày đã trả lãi 30 ngày. Mức lãi suất cho vay gấp 18,25 lần so với mức lãi suất theo quy định pháp luật. Số tiền bị thu lợi bất chính từ các hợp đồng vay là 850.685 đồng. Ông L1 đã trả xong.

34. Trần Ngọc M1 vay 1 lần hợp đồng vay góp số tiền là 10.000.000 đồng chu kỳ 24 ngày lãi suất 0,83%/ngày đã trả được 3 ngày, số tiền bị thu lợi bất chính từ hợp đồng vay là 233.562 đồng. Mức lãi suất cho vay gấp 15,1 lần so với mức lãi suất theo quy định pháp luật. Bà M1 còn chưa trả 8.750.000 đồng tiền đã vay.

35. Nguyễn Thị B vay 2 lần với tổng tiền vay là 6.000.000 đồng, số tiền bị thu lợi bất chính từ các hợp đồng vay là 936.164 đồng, cụ thể: 01 hợp đồng vay góp với số tiền 3.000.000 đồng chu kỳ 24 ngày lãi suất 0,83%/ngày đã thu xong và 01 hợp đồng vay góp với số tiền 3.000.000 đồng chu kỳ 24 ngày lãi suất 0,83%/ngày đã trả được 21 ngày. Mức lãi suất cho vay gấp 15,1 lần so với mức lãi suất theo quy định pháp luật. Bà B còn chưa trả 900.000 đồng tiền đã vay.

36. Nguyễn Thị Thu H9 vay 1 lần hợp đồng vay góp số tiền là 5.000.000 đồng, chu kỳ 30 ngày lãi suất 0,67%/ngày đã trả xong, Mức lãi suất cho vay gấp

12 lần so với mức lãi suất theo quy định pháp luật. Số tiền bị thu lợi bất chính từ hợp đồng vay là 917.808 đồng.

(Có bảng thống kê, các bị cáo kiểm tra xác nhận số liệu tính toán của 36 người vay kèm theo).

Như vậy, theo hồ sơ, hợp đồng vay thể hiện, xác định tổng số tiền các bị cáo cho vay là **727.500.000đ** (Bảy trăm hai mươi bảy triệu năm trăm ngàn đồng) đối với **36** người vay cụ thể nêu trên, tổng số tiền thu về là **759.696.667đ** (bảy trăm năm mươi chín triệu, sáu trăm chín mươi sáu nghìn, sáu trăm sáu mươi bảy đồng), tổng số tiền lãi thu được là **159,596,667đ** (một trăm năm mươi chín triệu, năm trăm chín mươi sáu nghìn, sáu trăm sáu mươi bảy đồng), số tiền lãi theo quy định của pháp luật là **11,789,315đ** (mười một triệu, bảy trăm tám mươi chín nghìn, ba trăm mười lăm đồng), tổng số tiền thu lợi bất chính là **147.807.352đ** (Một trăm bốn mươi bảy triệu tám trăm lẻ bảy nghìn ba trăm năm mươi hai đồng).

Hành vi của bị cáo Đặng Lê N, Trần Minh Ph đã thực hiện đủ yếu tố cấu thành tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” quy định tại khoản 2 Điều 201 Bộ luật Hình sự, do số tiền thu lợi bất chính trên 100.000.000 đồng.

Xét vai trò của các bị cáo: Vụ án có hai bị cáo, trong đó, bị cáo N là chủ tiệm cầm đồ, Ph là nhân viên. Quá trình thực hiện cho vay lãi suất cao, bị cáo Ph biết mà vẫn đồng ý tham gia nên là đồng phạm. Tuy nhiên, vai trò của bị cáo Ph đối với N chỉ là người làm công làm theo yêu cầu của N, tham gia ở giai đoạn sau, thời gian ngắn, chưa được hưởng lợi ích hoặc tiền công nào. Tuy có hai bị cáo thực hiện tội phạm nhưng chưa có căn cứ về sự cấu kết chắc chắn, phân công thực hiện, cùng được hưởng lợi ích nên là đồng phạm giản đơn.

Trong vụ án này, vai trò, trách nhiệm của bị cáo N phải cao hơn bị cáo Ph vì là người chủ đạo, nguồn vốn, cách thức, mức độ đều do N đề ra, Ph thực hiện theo yêu cầu của N. Nên trách nhiệm hình sự của N phải chịu cao hơn Ph.

Đối với Lê Thị Thanh Th, Nguyễn Công H, Lê Minh Tr, quá trình điều tra đã làm rõ những người này không biết và không liên quan đến hành vi cho vay lãi nặng của các bị cáo, chỉ Th chỉ được N nhờ đứng tên trên giấy phép kinh doanh và thuê nhà nên không truy cứu trách nhiệm hình sự là phù hợp.

[4] Xét tính chất, mức độ, hậu quả do hành vi phạm tội các bị cáo gây ra là nguy hiểm cho xã hội; xâm phạm đến hoạt động quản lý của nhà nước trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng; hành vi phạm tội của các bị cáo tìm tòi nguy cơ phát sinh những hành vi phạm pháp khác mà trong thời gian qua đã xảy ra như: cố ý gây thương tích, cưỡng đoạt tài sản, công nhiên chiếm đoạt tài sản... Tại thời điểm phạm tội, các bị cáo đều có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi của mình là sai trái, bị pháp luật nghiêm cấm nhưng vì lợi nhuận mà vẫn thực hiện. Hành vi của các bị cáo còn gây bất an cho cộng đồng, mất trật tự an cho xã hội. Do đó, cần có hình phạt phù hợp, tương xứng với hành vi phạm tội để đảm bảo tính răn đe, giáo dục riêng đối với các bị cáo và bảo đảm phòng ngừa tội phạm chung.

[5] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

[5.1] Tăng nặng: Các bị cáo cho vay nhiều lần nên phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “Phạm tội 02 lần trở lên” theo điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

[5.2] Giảm nhẹ: Các bị cáo có nhân thân tốt; phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Quá trình cho vay, các bị cáo không có những hành vi dụ dỗ, lôi kéo, khống chế, tạo áp lực hoặc gây sức ép đối với người vay cũng không có những hành vi thái quá làm ảnh hưởng đến tâm lý, sức khỏe của người vay. Quá trình làm việc và tại phiên tòa, một số người vay cũng xác định các bị cáo miễn giảm tiền lãi, khi cho vay thể hiện sự ôn hòa. Tuy có 02 bị cáo trong vụ án nhưng hành vi, tính chất mức độ mang tính tự phát, nhỏ lẻ, mới hoạt động trong thời gian ngắn. Bị cáo N, Ph đều nêu hoàn cảnh khó khăn, là lao động chính nhưng chưa có việc làm ổn định, phải nuôi con nhỏ. Do đó, xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho các bị cáo theo quy định tại điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Từ đó, Hội đồng xét xử cân nhắc áp dụng Điều 54 Bộ luật Hình sự khi lượng hình đối với các bị cáo.

[6] Về xử lý vật chứng và tiền thu lợi bất chính:

[6.1] Tiền thu lợi bất chính: Qua quá trình làm việc, người vay không có ý kiến hoặc không yêu cầu nhận lại số tiền thu lợi bất chính từ các hợp đồng vay của mình nên tịch thu sung quỹ Nhà nước. Xét bị cáo N và Ph đều xác định, bị cáo Ph làm công ăn lương, thực tế chưa được trả lương mà chỉ cho ăn ở, không được hưởng gì từ tiền lãi cho vay, không được hưởng các khoản thu lợi bất chính nên không buộc bị cáo chịu trách nhiệm về tiền thu lợi bất chính. Từ đó, buộc bị cáo N phải nộp lại số tiền thu lợi bất chính là 147.807.352đ (một trăm bốn mươi bảy triệu, tám trăm lẻ bảy ngàn, ba trăm năm mươi hai đồng).

Những khoản lãi suất, tiền gốc chưa trả... Các bị cáo và người vay không có yêu cầu. Người vắng mặt cũng chưa có ý kiến yêu cầu nên không xem xét giải quyết. Khi có yêu cầu và có căn cứ được quyền yêu cầu giải quyết ở vụ kiện dân sự khác.

[6.2] Về xử lý vật chứng:

- Đối với 72 bìa hồ sơ kèm theo các hợp đồng vay, giấy tờ của người vay, 07 cuốn sổ ghi nhận việc cho vay hàng ngày, 250 giấy A4 ghi thông tin quảng cáo cho vay số điện thoại 0961219821, 10 cuốn sổ hợp đồng cầm đồ, 01 giấy phép kinh doanh hoạt động cầm đồ, 70 tờ giấy A4 ghi nội dung hợp đồng mua bán hàng hóa: Đây là chứng cứ chứng minh hành vi phạm tội của các bị cáo nên tiếp tục lưu hồ sơ.

- Đối với 03 (ba) chiếc laptop gồm: 01 laptop hiệu Dell màu đen, 01 laptop hiệu Vaio màu đen và màu ghi, 01 laptop hiệu Macbook Air màu xám, bị cáo N xác định bị cáo sử dụng laptop trên để thực hiện hành vi phạm tội nên tịch thu sung công quỹ.

- Đối với 01 xe máy Dream màu trắng đen, biển số 51F2-2425 số máy C100ME-0321255 là xe bị cáo N sử dụng làm phương tiện phục vụ cho việc dân

giấy quảng cáo cho vay, đi lại xác minh thông tin, thu tiền người vay nên tịch thu sung công quỹ.

- Đối với 01 điện thoại Nokia màu xanh đen, model TA-1034, Imei 355820091348674 là điện thoại bị cáo N gắn số thuê bao 0961219821 dùng để liên lạc với người vay tiền, là số điện thoại ghi trên các giấy quảng cáo mà bị cáo N và bị cáo Ph đi dán nên tịch thu công quỹ.

- Đối với 01 (một) xe máy kiểu dáng Honda Dream, màu trắng đen, biển số 18Z2-8584, số khung (không đọc được), số máy 8131368 là xe bị cáo N mua lại của Trần Trường G nhưng chưa sử dụng và 01 điện thoại Iphone 6 màu xám, Imei ghi bên ngoài 359260060191399, xác định không liên quan đến hành vi phạm tội nên trả lại cho bị cáo N.

- 12 sim điện thoại không chứng minh được liên quan đến sự việc phạm tội nên trả lại cho bị cáo N.

- Đối với số tiền 28.278.000đ (hai mươi tám triệu, hai trăm bảy mươi tám ngàn đồng) thu tại tiệm cầm đồ TH là của N, không có căn cứ để xác định là khoản tiền N sử dụng để cho vay, thu được từ tiền cho vay nên không sung công, nhưng tiếp tục tạm giữ để bảo đảm thi hành án.

Khoản lãi suất từ trên 20%/năm đã thu của người vay; khoản tiền gốc, lãi chưa thanh toán, bị cáo và người vay chưa hoặc không yêu cầu giải quyết trong vụ án. Khi có căn cứ, có yêu cầu có quyền khởi kiện ở vụ kiện dân sự khác.

[7] Về án phí: Các bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố: Bị cáo **Đặng Lê N, Trần Minh Ph** phạm tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”.

1. Áp dụng khoản 2 Điều 201; các điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 35 Bộ luật Hình sự,

- Xử phạt **Đặng Lê N** hình phạt chính là phạt tiền **170.000.000đ (một trăm bảy mươi triệu đồng)**.

- Xử phạt **Trần Minh Ph** hình phạt chính là phạt tiền **100.000.000đ (một trăm triệu đồng)**.

2. Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự, Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự để quyết định về tiền thu lợi bất chính và xử lý vật chứng:

* Tiền thu lợi bất chính: Buộc bị cáo **Đặng Lê N** phải nộp lại số tiền thu lợi bất chính là 147.807.352đ (một trăm bốn mươi bảy triệu, tám trăm lẻ bảy ngàn, ba trăm năm mươi hai đồng).

* Về xử lý vật chứng:

- Tịch thu sung công quỹ 01 laptop hiệu Dell màu đen; 01 laptop hiệu Vaio màu đen và màu ghi; 01 laptop hiệu Macbook Air màu xám; 01 xe máy Dream màu trắng đen, biển số 51F2-2425 số máy C100ME-0321255; 01 điện thoại Nokia màu xanh đen, model TA-1034, Imei 355820091348674.

- Trả lại cho bị cáo N 01 (một) xe máy kiểu dáng Honda Dream, màu trắng đen, biển số 18Z2-8584, số khung (không đọc được), số máy 8131368 và 01 điện thoại Iphone 6 màu xám, Imei bên ngoài 359260060191399.

- Trả lại cho bị cáo N 12 sim điện thoại.

- Tiếp tục tạm giữ số tiền 28.278.000đ (hai mươi tám triệu hai trăm bảy mươi tám ngàn đồng) đã thu của bị cáo N để bảo đảm thi hành án.

Thực hiện xử lý vật chứng theo Biên bản giao nhận vật chứng số 59/BB.THA ngày 13-02-2020 và Biên lai thu tiền số 0000675 ngày 13-02-2020 của Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố Vũng Tàu.

Khoản lãi suất từ trên 20%/năm đã thu của người vay; khoản tiền gốc, lãi chưa thanh toán, bị cáo và người vay không hoặc chưa có ý kiến, yêu cầu giải quyết trong vụ án. Khi có căn cứ, có yêu cầu có quyền khởi kiện ở vụ kiện dân sự khác.

3. Án phí: Mỗi bị cáo phải nộp 200.000đ (hai trăm ngàn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

4. Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án.

5. Bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày tính từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu xét xử lại vụ án theo thủ tục phúc thẩm. Riêng những người có quyền kháng cáo nhưng vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo qui định của pháp luật.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:

- TAND tỉnh BR-VT;
- VKSND tỉnh BR-VT;
- Công an tỉnh BR-VT (PV27);
- Sở Tư pháp tỉnh BR-VT;
- VKSND thành phố Vũng Tàu;
- Công an thành phố Vũng Tàu;
- Thi hành án dân sự thành phố Vũng Tàu;
- Các bị cáo; NCQLNVLQ;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Nguyễn Thị Thanh Huyền